BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**COURSE SPECIFICATION**

**NGÀNH: Kế toán**

**HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY**

1. **Thông tin tổng quát - General information**
   1. **Tên môn học tiếng Việt/ Course title in Vietnamese**: Định hướng và kỹ năng học tập

Mã môn học/Course code: EDUC1325

* 1. **Tên môn học tiếng Anh/ Course title in English**: Learning Orientation
  2. **Phương thức giảng dạy/Mode of delivery:**

☐ Trực tiếp/FTF ☐ Trực tuyến/Online ⌧ Kết hợp/Blended

* 1. **Ngôn ngữ giảng dạy/Language(s) for instruction:**

⌧ Tiếng Việt/Vietnamese ☐ Tiếng Anh/English ☐ Cả hai/Both

* 1. **Thuộc thành phần kiến thức/kỹ năng/ Knowledge/Skills:**

☐ Giáo dục đại cương/General ☐ Kiến thức chuyên ngành/Major

⌧ Kiến thức cơ sở/Foundation ☐ Kiến thức bổ trợ/Additional

☐ Kiến thức ngành/Discipline ☐ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp/Graduation thesis

* 1. **Số tín chỉ/Credits**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng số/Total | Lý thuyết/Theory | Thực hành/Practice | Số giờ tự học/Self-study |
| 3 | 3 | 0 | 105 |

* 1. **Phụ trách môn học-Administration of the course**

1. Khoa/Bộ môn/Faculty/Division: Khoa kế toán-kiểm toán/Kế toán tài chính
2. Giảng viên/Academics: Đỗ Phương Thảo
3. Địa chỉ email liên hệ/Email: thao.dp@ou.edu.vn
4. Phòng làm việc/Room: Phòng 105, 35-37 Hồ Hảo Hớn, P. Cô Giang, Quận 1, TPHCM
5. **Thông tin về môn học-Course overview**
   1. **Mô tả môn học/Course description:**

Môn học cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nghề nghiệp kế toán kiểm toán, bao gồm công việc, hoạt động nghề nghiệp và phương hướng phát triển nghề nghiệp trong tương lai. Qua đó, môn học này giúp sinh viên đánh giá sự phù hợp của bản thân và nghề nghiệp, hiểu và rèn luyện những tố chất cần thiết để thành công trong nghề nghiệp, đồng thời chọn lựa đúng đắn mục tiêu học tập,cũng như các môn học trong chương trình đào tạo để có được nghề nghiệp phù hợp với bản thân và đáp ứng được các đòi hỏi của công việc trong tương lai. Môn học trang bị cho sinh viên những kỹ năng để giúp sinh viên học tốt trong môi trường học đại học nói chung, và cụ thể tại đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, môn học còn cung cấp những kỹ năng và thái độ ứng xử chuyên nghiệp để giúp sinh viên thực hành tốt nghề nghiệp kế toán ngay khi ra trường.

* 1. **Môn học điều kiện/Requirements:**

| STT/No. | Môn học điều kiện/ Requirements | Mã môn học/Code |
| --- | --- | --- |
|  | Môn tiên quyết/Pre-requisites |  |
|  | Không yêu cầu môn học tiên quyết |  |
|  | Môn học trước/Preceding courses |  |
|  | Không yêu cầu môn học trước |  |
| 3. | Môn học song hành/Co-courses |  |
|  | Không yêu cầu môn học song hành |  |

* 1. **Mục tiêu môn học/Course objectives**

| **Mục tiêu môn học/ Course objectives** | **Mô tả - Description** | **CĐR CTĐT phân bổ cho môn học - PLOs** |
| --- | --- | --- |
| CO1 | Trang bị cho sinh viên hiểu biết về nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và định hướng thiết kế của chương trình đào tạo | PLO7.1 |
| CO2 | Trang bị những kỹ năng cần thiết phục vụ cho việc học tập và nghề nghiệp | PLO7.1; PLO7.2; PLO9.1 |
| CO3 | Rèn luyện năng lực làm việc và đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên | PLO10; PLO12.3 |

* 1. **Chuẩn đầu ra (CĐR) môn học – Course learning outcomes (CLOs)**

Học xong môn học này, người học có khả năng

| **Mục tiêu môn học/Course objectives** | **CĐR môn học**  **(CLO)** | **Mô tả CĐR -Description** |
| --- | --- | --- |
| CO1 | CLO1 | Trình bày được về nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, nội dung đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. |
| CO2 | CLO2 | Vận dụng được các kỹ năng: lắng nghe – ghi bài; thuyết trình – giao tiếp trước đám đông; đọc hiểu, tư duy hệ thống và phản biện; làm việc nhóm; quản lý thời gian và lập kế hoạch làm việc hiệu quả. |
| CO3 | CLO3 | Có năng lực và đạo đức của người kế toán, kiểm toán trong quá trình làm việc và hành nghề. |

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| **CLOs** | **PLO7.1** | **PLO7.2** | **PLO9.1** | **PLO10** | **PLO12.3** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLO1** | 3 |  |  |  |  |
| **CLO2** | 3 | 3 | 4 |  |  |
| **CLO3** |  |  |  | 5 | 5 |

*1: Không đáp ứng 4: Đáp ứng nhiều*

*2: Ít đáp ứng 5: Đáp ứng rất nhiều*

*3: Đáp ứng trung bình*

* 1. **Học liệu – Textbooks and materials**
     1. *Giáo trình-Textbooks*
     2. *Tài liệu học tập:*

1. Định hướng học tập – Trường Đại học Mở TP.HCM - 2019
   * 1. *Tài liệu tham khảo*
2. Shibamoto Hidenori. *Kỹ năng lập kế hoạch hiệu quả*. Nhà xuất bản Thế Giới, 2018. [9786047757060]
3. Alison Lester. *Kỹ năng thuyết trình hiệu quả*. Nhà xuất bản Lao Động, 2018. [9786045954263]
4. *Thông tư số 70/2015/TT-BTC*
5. *Chương trình đào tạo ngành kế toán kiểm toán*
   1. **Đánh giá môn học/Student assessment**

| Thành phần đánh giá/ Type of assessment | Bài đánh giá / Assessment methods | Thời điểm/ Assemment time | CĐR môn học/ CLOs | Tỷ lệ % Weight % |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) |  |
| A1. Đánh giá quá trình/ Formative assessment | A.1.1 Câu hỏi trắc nghiệm | Kết thúc chương 1 | CLO1 | 10% |
| A.1.2 Tình huống thảo luận | Kết thúc chương 2 | CLO3 | 10% |
| A.1.3 Bài tập nhóm | Kết thúc chương 5 | CLO2 | 10% |
| ***Tổng cộng*** |  |  | ***30%*** |
| A2. Đánh giá giữa kỳ/ Mid-term assessment | A.2 Câu hỏi trắc nghiệm | Kết thúc chương 4 | CLO1,CLO2, CLO3 | 20% |
| ***Tổng cộng*** |  |  | ***20%*** |
| A3. Đánh giá cuối kỳ/ End-of-course assessment | A.3. Câu hỏi trắc nghiệm | Theo kế hoạch thi học kỳ | CLO1, CLO2, CLO3 | 50% |
| ***Tổng cộng*** |  |  | ***50%*** |
| Tổng cộng/Total | |  |  | 100% |

1. *Hình thức – Nội dung – Thời lượng của các bài đánh giá/Assessment format, content and time:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài đánh giá | Hình thức | Nội dung | Thời lượng | Công cụ đánh giá |
| A.1.1 Trắc nghiệm (CLO1) | [TN-01]  trên hệ thống LMS | Bài tập chương 1:  Hiểu biết về ngành kế toán kiểm toán  Hiểu được chương trình đào tạo | 30 phút |  |
| A.1.2 Thảo luận (CLO3) | [TL-01] Thảo luận nhóm, nộp bài thảo luận trên hệ thống LMS. | Thảo luận chương 2: Thảo luận về tình huống đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán | 02 tuần | Rubrics 1 |
| A.1.3 Bài tập nhóm (CLO2) | Thực hiện bài tập trên lớp- thuyết trình | Vận dụng kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng thuyết trình | 15 phút | Rubrics 2 |
| A.2. Bài trắc nghiệm (CLO1,CLO2, CLO3) | Thực hiện tại lớp học trực tiếp | Bài kiểm tra đánh giá nội dung từ chương 1 đến chương 4 | 60 phút | Ma trận đề thi 1 |
| A.3 Bài trắc nghiệm (CLO1, CLO2, CLO3) | Thực hiện bài thi theo theo kế hoạch thi học kỳ của nhà trường: 40 câu trắc nghiệm | Bài kiểm tra trắc nghiệm đánh giá nội dung từ chương 1 đến chương 5 | 75 phút | Ma trận đề thi 2 |

1. *Rubrics (bảng tiêu chí đánh giá): Xem phụ lục đề cương môn học*
   1. **Kế hoạch giảng dạy**

a) Áp dụng cho buổi học 5 tiết/buổi

| Tuần/buổi học  Week  Section | Nội dung  Content | CĐR môn học  CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning | | | | | | | | Bài đánh giá  Student assessment | Tài liệu chính và tài liệu tham khảo  Textbooks and materials |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tự học/Self-study | | Trực tiếp/FTF | | | | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) | |  |  |
| Lý thuyết/Theory | | Thực hành/Practice | | Lý thuyết/Theory | |  |  |
| Hoạt động  Activity | Số giờ  Periods | Hoạt động  Activity | Số giờ  Periods | Hoạt động  Activity | Số giờ  Periods | Hoạt động  Activity | Số giờ  Periods |  |  |
| (1) | (2) | (3) | (4) |  | (5) |  | (6) |  | (7) |  | (8) | (9) |
| 1 | **Chương 1. Nghề nghiệp kế toán – kiểm toán.**  1.1. Tổng quan về nghề nghiệp kế toán và định hướng phát triển nghề  1.2. Tổng quan về nghề kiểm toán và định hướng phát triển nghề | CLO1 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học | 12 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giới thiệu về nghề nghiệp kế toán, kiểm toán  Sinh viên:  +Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên. | 5 |  |  | Giảng viên:  - Cung cấp bài giảng online VD - 01  Sinh viên:  - Xem video và làm bài tập TN-01 | 1,5 | A.1.1 | [1] |
| 2 | **Chương 2: Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Kế toán – Kiểm toán**  2.1. Tổng quan về đạo đức nghề nghiệp  2.2. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán | CLO3 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học | 12 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giới thiệu về đạo đức nghề nghiệp  + Hướng dẫn giải quyết tình huống trong bài giảng  Sinh viên:  +Nghe giảng và trả lời thảo luận trong bài giảng | 5 |  |  | Tham gia diễn đàn thảo luận TL-01 | 1,5 | A.1.2 | [1]  [4] |
| 3 | **Chương 3: Chương trình đào tạo và triết lý thiết kế chương trình đào tạo**  3.1. Mục tiêu đào tạo  3.2.Triết lý thiết kế chương trình đào tạo  3.3. Nội dung chương trình đào tạo  3.4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | CLO1 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học | 12 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giới thiệu về chương trình đào tạo  + Giải thích các quy định về học tập  Sinh viên:  +Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên. | 5 |  |  | Giảng viên:  - Cung cấp bài giảng online VD - 02  Sinh viên:  - Xem video và làm bài tập TN-02 | 1,5 |  | [1]  [5] |
| 4 | **Chương 4: Phương pháp học tập ở bậc đại học**  **Chương 5: Kỹ năng học tập**  5.1. Kỹ năng thích nghi với môi trường đại học – kỹ năng lắng nghe và ghi bài | CLO2 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học | 12 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giới thiệu về phương pháp học tập hiệu quả  + Giới thiệu kỹ năng thích nghi.  Sinh viên:  +Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên. | 5 |  |  | - Làm TN 03 | 1,5 |  | [1] |
| 5 | **Chương 5: Kỹ năng học tập (tiếp theo)**  5.1. Kỹ năng thích nghi với môi trường đại học (tiếp theo)  5.2. Kỹ năng quản lý thời gian và lập kế hoạch làm việc hiệu quả  5.3. Kỹ năng làm việc nhóm | CLO2 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học  Quay video VDSV-01 | 12 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giới thiệu về kỹ năng lắng nghe-ghi bài  + Giới thiệu kỹ năng làm việc nhóm.  + Giới thiệu kỹ năng quản lý thời gian  Sinh viên:  +Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên.  + Làm bài BT-01 | 5 |  |  |  |  |  | [1]  [2]  [3] |
| 6 | **Chương 5: Kỹ năng học tập (tiếp theo)**  5.4. Kỹ năng đọc hiểu, tư duy hệ thống, tư duy phản biện | CLO2 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học | 15 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giới thiệu về kỹ năng đọc hiểu  + Giới thiệu kỹ năng tư duy hệ thống  + Giới thiệu kỹ năng tư duy phản biện  Sinh viên:  +Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên.  + Làm bài BT-02 | 5 |  |  |  |  |  | [1]  [2]  [3] |
| Kiểm tra giữa kỳ | CLO1,  CLO2,  CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | **Chương 5: Kỹ năng học tập (tiếp theo)**  5.5. Kỹ năng thuyết trình – giao tiếp trước đám đông | CLO2 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học  Quay video VDSV-02 | 15 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  Sinh viên:  Thuyết trình theo nhóm BT-03 | 5 |  |  |  |  | A.1.3 | [1]  [2]  [3] |
| 8 | **Chương 5: Kỹ năng học tập (tiếp theo)**  5.5. Kỹ năng thuyết trình – giao tiếp trước đám đông | CLO2 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học | 15 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  Sinh viên:  Thuyết trình theo nhóm- BT03 | 4 |  |  |  |  | A.1.3 | [1]  [6] |
| Tổng cộng/Total | | | X | Môn học 3 TC lý thuyết, số tổng là:  **105** | X | Tỷ lệ kết hợp 12%, số tổng là:  **39** | X | Môn học 3 TC lý thuyết, số tổng là:  **0** | X | Tỷ lệ kết hợp 11%, số tổng là:  **6** |  |  |

b) Áp dụng cho buổi học 3 tiết/buổi

| Tuần/buổi học  Week  Section | Nội dung  Content | CĐR môn học  CLOs | Hoạt động dạy và học/Teaching and learning | | | | | | | | Bài đánh giá  Student assessment | Tài liệu chính và tài liệu tham khảo  Textbooks and materials |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tự học/Self-study | | Trực tiếp/FTF | | | | Trực tuyến (nếu có)/Online (if any) | |
| Lý thuyết/Theory | | Thực hành/Practice | | Lý thuyết/Theory | |
| Hoạt động  Activity | Số giờ  Periods | Hoạt động  Activity | Số giờ  Periods | Hoạt động  Activity | Số giờ  Periods | Hoạt động  Activity | Số giờ  Periods |  |  |
| (1) | (2) | (3) | (4) |  | (5) |  | (6) |  | (7) |  | (8) | (9) |
| 1 | **Chương 1. Nghề nghiệp kế toán – kiểm toán.**  1.1. Tổng quan về nghề nghiệp kế toán và định hướng phát triển nghề | CLO1 | Sinh viên đọc trước nội dung bài học, làm bài tập trắc nghiệm, bài tập tình huống, làm các bài tập cuối chương | 8 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giới thiệu về nghề nghiệp kế toán  Sinh viên:  +Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên. | 3 |  |  |  |  |  | [1] |
| 2 | **Chương 1. Nghề nghiệp kế toán – kiểm toán.**  1.2. Tổng quan về nghề kiểm toán và định hướng phát triển nghề | CLO1 | Sinh viên đọc trước nội dung bài học, làm bài tập trắc nghiệm, bài tập tình huống, làm các bài tập cuối chương | 8 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giới thiệu về nghề nghiệp kiểm toán  Sinh viên:  +Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên. | 3 |  |  | Giảng viên:  - Cung cấp bài giảng online VD - 01  Sinh viên:  - Xem video và làm bài tập TN-01 | 1,5 | A.1.1 | [1] |
| 3 | **Chương 2: Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Kế toán – Kiểm toán**  2.1. Tổng quan về đạo đức nghề nghiệp  2.2. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán | CLO3 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học | 8 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giới thiệu về đạo đức nghề nghiệp  + Hướng dẫn giải quyết tình huống trong bài giảng  Sinh viên:  +Nghe giảng và trả lời thảo luận trong bài giảng | 3 |  |  |  |  |  | [1]  [4] |
| 4 | **Chương 2: Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Kế toán – Kiểm toán**  2.2. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán (tt) | CLO3 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học | 8 | Giảng viên  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Hướng dẫn các bài tập tình huống  Sinh viên:  + Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên | 3 |  |  | Tham gia diễn đàn thảo luận TL-01 | 1,5 | A.1.2 | [1]  [4] |
| 5 | **Chương 3: Chương trình đào tạo và triết lý thiết kế chương trình đào tạo**  3.1. Mục tiêu đào tạo  3.2.Triết lý thiết kế chương trình đào tạo | CLO1 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học | 8 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giới thiệu về chương trình đào tạo  Sinh viên:  +Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên. | 3 |  |  |  |  |  | [1]  [5] |
| 6 | **Chương 3: Chương trình đào tạo và triết lý thiết kế chương trình đào tạo**  3.3. Nội dung chương trình đào tạo  3.4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | CLO2 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học | 8 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giải thích các quy định về học tập  Sinh viên:  +Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên. | 3 |  |  | Giảng viên:  - Cung cấp bài giảng online VD - 02  Sinh viên:  - Xem video và làm bài tập TN-02 | 1,5 |  | [1], [2], [3] |
| 7 | **Chương 4: Phương pháp học tập ở bậc đại học** | CLO2 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học | 8 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung bài học  + Giới thiệu về phương pháp học tập hiệu quả  Sinh viên:  + Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên | 3 |  |  | - Làm TN 03 | 1,5 |  | [1] |
| 8 | **Chương 5: Kỹ năng học tập**  5.1. Kỹ năng thích nghi với môi trường đại học – kỹ năng lắng nghe và ghi bài | CLO2 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học  Quay video VDSV-01 | 9 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung bài học  + Giới thiệu kỹ năng thích nghi  Sinh viên:  + Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên | 3 |  |  |  |  |  | [1] |
| 9 | **Chương 5: Kỹ năng học tập**  5.2. Kỹ năng quản lý thời gian và lập kế hoạch làm việc hiệu quả | CLO2 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học | 8 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung bài học  + Giới thiệu về kỹ năng lắng nghe-ghi bài  + Giới thiệu kỹ năng làm việc nhóm.  + Giới thiệu kỹ năng quản lý thời gian  Sinh viên:  + Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên  + Làm bài BT-01 | 3 |  |  |  |  |  | [1], [2], [3] |
| 10 | **Chương 5: Kỹ năng học tập**  5.4. Kỹ năng đọc hiểu, tư duy hệ thống, tư duy phản biện | CLO2 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học | 8 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung bài học  + Giới thiệu về kỹ năng đọc hiểu  + Giới thiệu kỹ năng tư duy hệ thống  + Giới thiệu kỹ năng tư duy phản biện  Sinh viên:  + Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên  + Làm bài BT-02 | 3 |  |  |  |  |  | [1], [2], [3] |
| 11 | **Chương 5: Kỹ năng học tập**  5.3. Kỹ năng làm việc nhóm | CLO2 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học | 8 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung bài học  + Giới thiệu kỹ năng làm việc nhóm  Sinh viên:  + Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên | 3 |  |  |  |  |  | [1], [2], [3] |
|  | **Kiểm tra giữa kỳ** | CLO1,  CLO2,  CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  | A.2 |  |
| 12 | **Chương 5: Kỹ năng học tập (tiếp theo)**  5.5. Kỹ năng thuyết trình – giao tiếp trước đám đông | CLO2 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học  Quay video VDSV-02 | 8 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  Sinh viên:  Thuyết trình theo nhóm BT-03 | 3 |  |  |  |  | A.1.3 | [1]  [6] |
| 13 | **Chương 5: Kỹ năng học tập (tiếp theo)**  5.5. Kỹ năng thuyết trình – giao tiếp trước đám đông | CLO2 | Sinh viên chuẩn bị tài liệu và đọc trước nội dung bài học  Quay video VDSV-02 | 8 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  Sinh viên:  Thuyết trình theo nhóm BT-03 | 3 |  |  |  |  | A.1.3 | [1]  [6] |
| Tổng cộng/Total | | | X | **105** | X | **39** | X |  | X | **6** |  |  |

Ghi chú:

VD-01 Giới thiệu về ngành kế toán kiểm toán

VD-02 Giới thiệu về khoa kế toán kiểm toán Trường Đại Học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh

TN-01 Bài tập trắc nghiệm về nghề kế toán – kiểm toán

TN-02 Bài tập trắc nghiệm về Chương trình đào tạo

TN-03 Bài tập trắc nghiệm về Phương pháp học tập bậc đại học

TL-01 Thảo luận về tình huống đạo đức nghề nghiệp

BT-01 Bài tập về kĩ năng Thiết lập mục tiêu và lập kế hoạch làm việc

BT-02 Bài tập về kĩ năng Tư duy hệ thống – Tư duy phản biện

BT-03 Bài tập về kĩ năng Thuyết trình – Giao tiếp

VDSV-01 Video về thích nghi

VDSV-02 Video về Kĩ năng thuyết trình – Giao tiếp

* 1. **Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và phương pháp giảng dạy – phương pháp đánh giá**

| Tuần/buổi học  Week  Section | Nội dung  Content | CĐR môn học  CLOs | Hình thức dạy học  Teaching and learning methods | Hình thức đánh giá  Student assessment |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 | **Chương 1. Nghề nghiệp kế toán – kiểm toán.**  1.1. Tổng quan về nghề nghiệp kế toán và định hướng phát triển nghề  1.2. Tổng quan về nghề kiểm toán và định hướng phát triển nghề | CLO1 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giới thiệu về nghề nghiệp kế toán, kiểm toán  + Cung cấp bài giảng online VD - 01  Sinh viên:  +Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên.  +Xem video và làm bài tập TN-01 | A.1.1 |
| 2 | **Chương 2: Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Kế toán – Kiểm toán**  2.1. Tổng quan về đạo đức nghề nghiệp  2.2. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán | CLO3 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giới thiệu về đạo đức nghề nghiệp  + Hướng dẫn giải quyết tình huống trong bài giảng  Sinh viên:  +Nghe giảng và thực hiện bài thảo luận nhóm TL01 | A.1.2 |
| 3 | **Chương 3: Chương trình đào tạo và triết lý thiết kế chương trình đào tạo**  3.1. Mục tiêu đào tạo  3.2.Triết lý thiết kế chương trình đào tạo  3.3. Nội dung chương trình đào tạo  3.4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | CLO1 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giới thiệu về chương trình đào tạo  + Giải thích các quy định về học tập  ++Cung cấp bài giảng online VD - 02  Sinh viên:  +Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên.  + Xem video và làm bài tập TN-02 |  |
| 4 | **Chương 4: Phương pháp học tập ở bậc đại học**  **Chương 5: Kỹ năng học tập**  5.1. Kỹ năng thích nghi với môi trường đại học – kỹ năng lắng nghe và ghi bài | CLO2 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giới thiệu về phương pháp học tập hiệu quả  + Giới thiệu kỹ năng thích nghi.  Sinh viên:  +Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên.  + Làm TN-03 |  |
| 5 | **Chương 5: Kỹ năng học tập (tiếp theo)**  5.1. Kỹ năng thích nghi với môi trường đại học (tiếp theo)  5.2. Kỹ năng quản lý thời gian và lập kế hoạch làm việc hiệu quả  5.3. Kỹ năng làm việc nhóm | CLO2 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giới thiệu về kỹ năng lắng nghe-ghi bài  + Giới thiệu kỹ năng làm việc nhóm.  + Giới thiệu kỹ năng quản lý thời gian  Sinh viên:  +Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên.  + Làm bài BT-01  + Quay video VDSV-01 |  |
| 6 | Chương 5: Kỹ năng học tập (tiếp theo)  5.4. Kỹ năng đọc hiểu, tư duy hệ thống, tư duy phản biện | CLO2 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  + Giới thiệu về kỹ năng đọc hiểu  + Giới thiệu kỹ năng tư duy hệ thống  + Giới thiệu kỹ năng tư duy phản biện  Sinh viên:  +Nghe giảng và thực hiện bài tập tình huống theo gợi ý của giảng viên.  + Làm bài BT-02 |  |
|  | **Kiểm tra giữa kỳ** | CLO1, CLO2, CLO3 |  | A.2 |
| 7 | **Chương 5: Kỹ năng học tập (tiếp theo)**  5.5. Kỹ năng thuyết trình – giao tiếp trước đám đông | CLO2 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  Sinh viên:  + Thuyết trình theo nhóm BT-03  + Quay video VDSV-02 | A.1.3 |
| 8 | **Chương 5: Kỹ năng học tập (tiếp theo)**  5.5. Kỹ năng thuyết trình – giao tiếp trước đám đông | CLO2 | Giảng viên:  + Thuyết giảng nội dung môn học  Sinh viên:  + Thuyết trình theo nhóm BT-03  + Quay video VDSV-02 | A.1.3 |

\*Chuẩn đầu ra môn học

* *CLO1: Trình bày được về nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, nội dung đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.*
* *CLO2: Vận dụng được các kỹ năng: lắng nghe – ghi bài; thuyết trình – giao tiếp trước đám đông; đọc hiểu, tư duy hệ thống và phản biện; làm việc nhóm; quản lý thời gian và lập kế hoạch làm việc hiệu quả.*
* *CLO3: Có năng lực và đạo đức của người kế toán, kiểm toán trong quá trình làm việc và hành nghề.*

**9. Quy định của môn học/Course policy**

- Quy định về nộp bài tập, bài kiểm tra:

* Sinh viên phải hoàn thành bài tập, bài kiểm tra, bài thảo luận theo thời gian quy định.

- Quy định về chuyên cần:

* Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học và thực hiện các hoạt động học tập tại lớp.

- Nội quy lớp học:

* Sinh viên tích cực tham gia thảo luận và hoàn thành các hoạt động học tập được giao.
* Sinh viên đọc trước văn bản, tài liệu được yêu cầu.
* *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**  **DEAN OF THE FACULTY**  *(Ký và ghi rõ họ tên-Signed with fullname)* | **GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**  **ACADEMIC**  *(Ký và ghi rõ họ tên- Signed with fullname)*  Đỗ Phương Thảo |

**PHỤ LỤC ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

RUBRICS (bảng tiêu chí đánh giá)

**RUBRICS 1**

**Thảo luận- TL01**

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR môn học** | Mức độ đánh giá | | | | | TỶ LỆ |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Không đạt  (0 – 3.9 điểm) | Trung bình  (4.0 – 6.4 điểm) | Khá (6.5– 7.9 điểm) | Giỏi (8.0 – 8.9 điểm) | Xuất sắc (9 - 10 điểm) |
| **A.1.2. Đánh giá quá trình** | Thảo luận  TL-01 | CLO3: Có năng lực và đạo đức của người kế toán, kiểm toán trong quá trình làm việc và hành nghề. | Trình bày sai đáp án với tình huống | Trình bày đúng đáp án nhưng không giải thích | Trình bày đúng đáp án nhưng giải thích chưa rõ | Trình bày đúng đáp án và giải thích rõ ràng | Trình bày đúng đáp án và giải thích rõ ràng, có dẫn chứng thêm ví dụ | 10% |
| **Tổng cộng** | |  |  |  |  |  |  | **10%** |

**RUBRICS 2**

**Bài thuyết trình- BT03**

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **CĐR môn học** | Mức độ đánh giá | | | | | TỶ LỆ |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Không đạt  (0 – 3.9 điểm) | Trung bình  (4.0 – 6.4 điểm) | Khá (6.5– 7.9 điểm) | Giỏi (8.0 – 8.9 điểm) | Xuất sắc (9 - 10 điểm) |
| **A.1.3. Đánh giá quá trình** | Thuyết trình | CLO2: Vận dụng được các kỹ năng: lắng nghe – ghi bài; thuyết trình – giao tiếp trước đám đông; đọc hiểu, tư duy hệ thống và phản biện; làm việc nhóm; quản lý thời gian và lập kế hoạch làm việc hiệu quả.. | - Thời gian trình bày dưới 10 phút  - Thành viên thuyết trình chưa tốt  - Nội dung không đúng chủ đề  - Slide trình bày xấu | - Thời gian trình bày đúng quy định  - Thành viên thuyết trình tạm ổn  - Nội dung đúng chủ đề  - Slide trình bày xấu | - Thời gian trình bày đúng quy định  - Thành viên thuyết trình tạm ổn  - Nội dung đúng chủ đề  - Slide trình bày tạm ổn | - Thời gian trình bày đúng quy định  - Thành viên thuyết trình tốt  - Nội dung đúng chủ đề  - Slide trình bày ổn | - Thời gian trình bày đúng quy định  - Thành viên thuyết trình tốt  - Nội dung đúng chủ đề  - Slide trình bày ổn  - Có sự sáng tạo | 10% |
| **Tổng cộng** | |  |  |  |  |  |  | **10%** |

**MA TRẬN ĐỀ THI 1**

Sinh viên không được sử dụng tài liệu

| **Cấp độ**  **CLO** | **Cấp độ 1** | **Cấp độ 2** | **Cấp độ 3** | **Cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLO1** |  |  |  |  |
| ***Số câu*** | ***6*** | ***6*** | ***2*** | *14 câu* |
| *Số điểm* | *2,0* | *2,0* | *0,67* | *4,67 điểm = 46.7%* |
| **CLO2** |  |  |  |  |
| ***Số câu*** | ***3*** | ***3*** | ***1*** | *7 câu* |
| *Số điểm* | *1,0* | *1,0* | *0,33* | *2,33 điểm = 23,3%* |
| **CLO3** |  |  |  |  |
| ***Số câu*** | ***4*** | ***4*** | ***1*** | *9 câu* |
| *Số điểm* | *1,33* | *1,33* | *0.33* | *3 điểm = 30%* |
| **Tổng số câu** | *13* | *13* | *4* | **30 câu** |
| **Tổng số điểm** | *4,33* | *4,33* | *1.34* | **10 điểm** |
| **Tỷ lệ** | **43.33%** | **43.33%** | **13.34%** | **100%** |

**Ma trận đề thi 2**

Sinh viên không được sử dụng tài liệu

| **Cấp độ**  **CLO** | **Cấp độ 1** | **Cấp độ 2** | **Cấp độ 3** | **Cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLO1** |  |  |  |  |
| ***Số câu*** | ***5*** | ***5*** | ***4*** | *14 câu* |
| *Số điểm* | *1,25* | *1,25* | *1,0* | *3,5 điểm = 35%* |
| **CLO2** |  |  |  |  |
| ***Số câu*** | **9** | **8** | **3** | *20 câu* |
| *Số điểm* | *2,25* | *2,0* | *0,75* | *5,0 điểm = 50%* |
| **CLO3** |  |  |  |  |
| ***Số câu*** | ***3*** | ***2*** | ***1*** | *6 câu* |
| *Số điểm* | *0,75* | *0,5* | *0,25* | *1,5 điểm = 15%* |
| **Tổng số câu** | *17* | *15* | *8* | **40 câu** |
| **Tổng số điểm** | *4,25* | *3,75* | *2,0* | **10 điểm** |
| **Tỷ lệ** | **42,5%** | **37,5%** | **20%** | **100%** |